

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 19-9-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khon Sốc

Ông Mai Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Néang Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Đội 7, Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh N (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp T (nay là ấp Đ), xã T, huyện T, tỉnh A (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 16-3-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Trần Minh T qua quá trình tự tìm hiểu nhau nên chị cùng anh Trần Minh T đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 23-10-2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh N. Quá trình chung sống vợ chồng, chị và anh T hạnh phúc được một thời gian đầu, đến khoảng

từ tháng 12/2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính do anh T thường xuyên cờ bạc, số đề.. mặc dù nhiều lần chị đã khuyên ngăn, nhưng anh T không thay đổi, chị và anh T ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị B xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Trí Q, sinh ngày 21-11-2013 và Trần Nguyễn Khánh M, sinh ngày 02-6-2015, hiện đang sống cùng chị B. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Trần Minh T để tham gia tố tụng nhưng anh vắng mặt không rõ lý do, nên không tiếp nhận lời khai của anh Trần Minh T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Minh T; yêu cầu nuôi dưỡng con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh T để tham gia tố tụng nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70 BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đảm bảo Điều 228 và Điều 228 BLTTDS

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Chị B và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị B nguyên nhân là do anh T không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, bà đã nhiều lần khuyên can và hàn gắn nhưng ông vẫn không thay đổi, sau đó ông bỏ về địa phương sinh sống cho đến nay, không liên lạc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị B xin được ly hôn với anh T. Căn cứ

biên bản xác minh ngày 26-7-2022 của ban ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A xác định chị B và anh T là vợ chồng, có với nhau 02 con chung, không rõ vợ chồng có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, theo lời khai của chị B đã xác định vợ chồng chị có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vợ chồng đã ly thân lâu, không còn liên lạc, quan tâm nhau. Bên cạnh đó, bản thân anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm nên đủ cơ sở xác nhận quan hệ hôn nhân này đã nguội lạnh, rạn nứt và không thể hàn gắn được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị B có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Trí Q, sinh ngày 21-11-2013 và sinh ngày 02-6-2015, hiện đang sống cùng chị B, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu, để đảm bảo cuộc sống của 02 cháu được ổn định, cần thiết chấp nhận yêu cầu này của chị B. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị B không yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Minh T trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Trần Minh T.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Minh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 23-10-2012 theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa chị B và anh T sau khi kết hôn, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính chị B không quan tâm chăm sóc gia đình, anh T tham gia chơi bài bạc, số đề..., mặc dù chị đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn. Nay chị Nguyễn Thị B xin ly hôn anh Trần Minh T.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Minh T, nhằm đảm bảo quyền lợi của anh Trần Minh T theo quy định của pháp luật để anh T được trình bày ý kiến, nhưng anh T vẫn vắng mặt và anh có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị B. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 26-7-2022 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị B, vợ chồng sau khi kết hôn lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thỉnh thoảng có quay về địa phương. Chị B và anh T là vợ chồng, có với nhau 02 con chung, không rõ vợ chồng có mâu thuẫn gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình, tuy nhiên giữa chị B và anh T không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa chị B và anh T không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân tháng 10-2020 đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Trí Q, sinh ngày 21-11-2013 và Trần Nguyễn Khánh M, sinh ngày 02-6-2015. Sau khi ly hôn chị B có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhằm ghi nhận ý kiến anh Trần Minh T, nhưng anh T vắng mặt. Tại phiên tòa chị B vẫn xin được nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị B và anh T ly thân đến nay, 02 cháu Trần Nguyễn Trí Q và Trần Nguyễn Khánh M đều do chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B vẫn đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng các cháu, hơn nữa nguyện vọng của muốn sống cùng mẹ là chị Nguyễn Thị B sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu Trần Nguyễn Trí Q, sinh ngày 21-11-2013 và Trần Nguyễn Khánh M, sinh ngày 02-6-2015 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trần Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89/GKH, ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 cháu Trần Nguyễn Trí Q, sinh ngày 21-11-2013 và Trần Nguyễn Khánh M, sinh ngày 02-6-2015 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 0008440 ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Nữ Ngọc Lan